

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Điều lệ này quy định tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) được thông qua hợp lệ bởi Đại hội đồng Cổ đông ngày 12/02/2019.

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ và chữ viết tắt trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ, những thuật ngữ và các chữ viết tắt sau đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a. "Ban Điều hành" nghĩa là tập thể bao gồm TGD, các Phó TGD, các Giám đốc Khối/Ban của VIB.
 - b. "BKS" nghĩa là Ban Kiểm soát VIB.
 - c. "Cổ đông" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số Cổ phần và đăng ký tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của VIB.
 - d. "Cổ đông Lớn" là Cổ đông sở hữu trực tiếp và/hoặc gián tiếp từ 5% vốn Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VIB.
 - e. "Cổ phần" là Vốn điều lệ của VIB được chia thành các phần bằng nhau.
 - f. "Cổ phiếu" là chứng chỉ, bút toán ghi sổ, dữ liệu điện tử do VIB phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần. Cổ phiếu của VIB là Cổ phiếu ghi tên.
 - g. "Chủ tịch HĐQT" nghĩa là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VIB, được bầu theo Điều 40.
 - h. "Cơ quan Nhà nước" bao gồm Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng, các Bộ và cơ quan ngang bộ, các ủy ban nhân dân, các cơ quan, ban ngành của các cơ quan này hoặc cán bộ của các cơ quan này mà theo VIB là cần có hoặc nên có sự chấp thuận, phê duyệt, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tham khảo ý kiến của họ cho các việc hoặc vấn đề được đề cập trong Điều lệ.
 - i. "ĐHĐCĐ" nghĩa là Đại hội đồng Cổ đông VIB.
 - j. "Điều lệ" nghĩa là Điều lệ VIB.
 - k. "HĐQT" nghĩa là Hội đồng Quản trị VIB.
 - l. "Người Đại diện theo Ủy quyền" nghĩa là đại diện theo ủy quyền của một Cổ đông được chỉ định theo Điều 19.2.
 - m. "Người điều hành" nghĩa là TGD, PTGD, Giám đốc Khối/Ban, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các Đơn vị kinh doanh thuộc các Khối kinh doanh của VIB.
 - n. "Người điều hành tổ chức tín dụng" nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại điều lệ của tổ chức tín dụng đó.
 - o. "Người quản lý" nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, PTGD của VIB.
 - p. "Người quản lý của tổ chức tín dụng khác" nghĩa là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại điều lệ của tổ chức tín dụng đó.
 - q. "Ngày Làm việc" nghĩa là ngày làm việc của VIB.
 - r. "Ngày" nghĩa là ngày theo lịch.
 - s. "Nhà đầu tư Chiến lược Nước ngoài" có nghĩa như trong định nghĩa tại Nghị định 01/2014/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.
 - t. "NHNN" nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - u. "Pháp luật" nghĩa là tất cả các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước ban hành.

- v. "Quy chế và Chính sách" nghĩa là các văn bản quy định nội bộ của VIB về những lĩnh vực, vấn đề chủ chốt của VIB, bao gồm nhưng không giới hạn như sau:
- Quản trị Doanh nghiệp;
 - Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - Tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành;
 - Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự;
 - Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro;
 - Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp;
 - Nội quy lao động;
 - Quản lý nhân sự, Tiền lương, Tiền thưởng;
 - Quản lý Tài chính;
 - Ủy quyền và Quyền quyết định;
 - Cho vay;
 - Quản lý Rủi ro.
- w. "Sổ Đăng ký Cổ đông" nghĩa là sổ đăng ký Cổ đông được lập và lưu giữ bởi VIB hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán ("TTLKCK") theo quy định của Pháp luật.
- x. "Thành viên HĐQT Độc lập" nghĩa là thành viên của HĐQT đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện cần có cho thành viên độc lập theo yêu cầu của Luật Các Tổ chức tín dụng.
- y. "TGD" nghĩa là tổng giám đốc của VIB được bổ nhiệm hoặc thuê theo Điều 48.
- z. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá Cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của VIB được nêu trong Mục 4 của Phụ lục 1.

2. Trong Điều lệ:

- a. Bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng; và
- b. Trừ khi có quy định cụ thể khác, để cập đến một điều hoặc phụ lục nghĩa là một điều hoặc phụ lục của Điều lệ.

Điều 2. Hình thức công ty, tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động

1. Hình thức công ty

VIB được tổ chức dưới hình thức một ngân hàng thương mại cổ phần và tiến hành kinh doanh theo Điều lệ và Pháp luật.

2. Tên

- a. Tên đầy đủ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam.
- b. Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Quốc Tế.
- c. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam International Commercial Joint Stock Bank.
- d. Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Viet Nam International Bank, hoặc VIB.

3. Địa chỉ

- a. Địa chỉ trụ sở của VIB được quy định cụ thể trong Mục 3 của Phụ lục 1.
- b. Mạng lưới hoạt động của VIB bao gồm: các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các phòng giao dịch và các mô hình mạng lưới khác được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật. Danh sách các chi nhánh của VIB vào ngày ĐHCĐ thông qua Điều lệ được cung cấp trong Phụ lục 2.

4. Con dấu pháp nhân

VIB có con dấu pháp nhân với số lượng, nội dung và hình thức do HĐQT quyết định theo quy định của Pháp luật.

5. Thời hạn Hoạt động

Thời hạn hoạt động của VIB là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày 25/01/1996, ngày NHNN cấp Giấy phép Hoạt động cho VIB. Thời hạn hoạt động của VIB có thể được gia hạn căn cứ vào nghị quyết của ĐHĐCĐ có sự phê chuẩn của Thống đốc NHNN.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động

1. VIB xây dựng để trở thành một trong những ngân hàng luôn sáng tạo và hướng đến khách hàng nhất tại Việt Nam.
Mục tiêu chung là xây dựng VIB trở thành một ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, lớn mạnh, có uy tín, có công nghệ hiện đại, quản lý rủi ro an toàn, phát triển ổn định và bền vững.
2. VIB xác định sứ mệnh bao gồm:
 - a. Đối với khách hàng: Vượt trội trong việc cung cấp các giải pháp sáng tạo nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng.
 - b. Đối với nhân viên: Xây dựng văn hóa hiệu quả, tinh thần doanh nhân và môi trường làm việc hiệu quả.
 - c. Đối với Cổ đông: Mang lại các giá trị hấp dẫn và bền vững cho Cổ đông.
 - d. Đối với cộng đồng: Tích cực đóng góp vào sự phát triển cộng đồng.

Điều 4. Huy động vốn

VIB huy động vốn theo quy định của Pháp luật và của NHNN dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn .
3. Vay, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.
4. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.
5. Thực hiện các hình thức huy động vốn khác.

Điều 5. Hoạt động tín dụng

VIB cấp tín dụng có hoặc không có tài sản bảo đảm cho tổ chức và cá nhân theo quy định của Pháp luật và của NHNN dưới các hình thức sau:

1. Cho vay.
2. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác.
3. Bảo lãnh ngân hàng, bao gồm cả Thư tín dụng (L/C)..
4. Phát hành thẻ tín dụng.
5. Bao thanh toán trong nước và bao thanh toán quốc tế.
6. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp dưới hình thức cấp tín dụng.
7. Các hình thức cấp tín dụng khác.

Điều 6. Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác

1. VIB cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng cho khách hàng theo quy định của Pháp luật và của NHNN, bao gồm:
 - a. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
 - b. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

- c. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế, bao gồm:
- Hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước:
 - Thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay.
 - Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ, giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ.
 - Nhận tiền gửi, cho vay bằng ngoại tệ đối với các khách hàng không phải là tổ chức tín dụng.
 - Bao thanh toán và bảo lãnh bằng ngoại tệ.
 - Phát hành, đại lý phát hành thẻ ngân hàng quốc tế, thanh toán, đại lý thanh toán thẻ ngân hàng quốc tế.
 - Cung cấp các dịch vụ chuyển tiền và thanh toán bằng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.
 - Mua, bán, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác bằng ngoại tệ.
 - Giao cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác hoặc tổ chức kinh tế làm đại lý cung ứng một số dịch vụ ngoại hối, bao gồm dịch vụ đối ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.
 - Cung cấp các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản bằng ngoại hối; Nhận ủy thác cho vay bằng ngoại tệ.
 - Đại lý phát hành giấy tờ có giá bằng ngoại tệ.
 - Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối.
 - Mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác được phép hoạt động ngoại hối.
 - Vay vốn, cho vay bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác, tổ chức tài chính trong nước.
 - Gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ với các tổ chức tín dụng được phép khác.
 - Mở tài khoản thanh toán cho tổ chức tín dụng nước ngoài.
 - Nhận tiền gửi bằng ngoại tệ từ tổ chức tín dụng nước ngoài.
 - Thực hiện các giao dịch phái sinh lãi suất và các giao dịch phái sinh khác liên quan đến ngoại hối trên thị trường trong nước.
 - Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước ngoài các hoạt động quy định nêu trên.
 - Hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế:
 - Thanh toán, chuyển tiền quốc tế.
 - Mua, bán ngoại tệ giao ngay trên thị trường quốc tế.
 - Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ đã giao kết và thực hiện với khách hàng trong nước.
 - Bao thanh toán quốc tế và bảo lãnh bằng ngoại tệ.
 - Cho vay ra nước ngoài đối với khách hàng không phải là tổ chức tín dụng.
 - Gửi ngoại tệ ở nước ngoài (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn).
 - Thực hiện các giao dịch phái sinh lãi suất và các giao dịch phái sinh khác liên quan đến ngoại hối trên thị trường quốc tế.
 - Thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường quốc tế ngoài các hoạt động quy định ở trên.
 - Các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế.
- d. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
- e. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- f. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- g. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- h. Hoạt động mua, bán nợ.
- i. Các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng.
2. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

Điều 7. Tài khoản của VIB

1. VIB được mở tài khoản tại NHNN.
2. VIB được mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
3. VIB được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 8. Góp vốn và mua cổ phần

1. VIB góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn của NHNN. VIB chỉ được dùng Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ để góp vốn và mua cổ phần theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
2. Khi cần thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây, VIB phải thành lập công ty con, công ty liên kết hoặc mua lại công ty khác làm công ty con, công ty liên kết:
 - a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu.
 - b. Cho thuê tài chính.
 - c. Bảo hiểm.
3. VIB được thành lập công ty con, công ty liên kết hoặc mua lại công ty khác làm công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. VIB được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
 - b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.
5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 8.2 và Điều 8.3 và việc góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 8.4 phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
6. VIB và công ty con của VIB được mua và nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Điều 9. Các hoạt động khác

VIB có thể tiến hành các hoạt động sau theo quy định của Pháp luật và của NHNN:

1. Ủy thác, nhận ủy thác và đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản.
2. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
3. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
4. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng.
5. VIB không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của VIB.
 - b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của VIB.
 - c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, VIB phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định.
6. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
7. Ví điện tử.
8. Cho vay, gửi vốn đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

9. Thực hiện các hoạt động khác.

Điều 10. Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, VIB phải tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định của Pháp luật và Quy chế do HĐQT ban hành.

CHƯƠNG 2

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Điều 11. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được ghi bằng đồng Việt Nam.
2. VIB phải đảm bảo Vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định cần thiết đối với ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
3. VIB không được sử dụng Vốn điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các Cổ đông.
4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích sau theo quy định của Pháp luật và các quy định của NHNN:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định.
 - b. Góp vốn, mua cổ phần.
 - c. Thành lập công ty con.
 - d. Cho vay và
 - e. Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ khác.

Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ (tăng hoặc giảm) phải được ĐHĐCĐ thông qua và sau đó phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo quy định của Pháp luật.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin NHNN chấp thuận thay đổi Vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Pháp luật.
3. Sau khi thay đổi Vốn Điều lệ theo chấp thuận của NHNN, VIB phải sửa đổi Điều lệ theo Vốn Điều lệ mới và gửi Điều lệ đã sửa đổi cho NHNN và đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Vốn Điều lệ mới, đồng thời công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 13. Các nguồn vốn hoạt động

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a. Vốn điều lệ.
 - b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỉ giá.
 - c. Thặng dư vốn cổ phần.
 - d. Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính.
 - e. Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý.
 - f. Vốn khác thuộc sở hữu của VIB.
2. Vốn huy động theo Điều 4.
3. Vốn khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 14. Cổ phần

1. Vốn điều lệ được chia thành số Cổ phần quy định tại Mục 6 của Phụ lục 1.
2. Mệnh giá mỗi Cổ phần được quy định tại Mục 5 của Phụ lục 1.
3. Cổ phần là cổ phần phổ thông. Chủ sở hữu mỗi Cổ phần có các quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau.
4. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán Cổ phần trong số Cổ phần được quyền chào bán theo phương án tăng Vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

5. HĐQT đề xuất lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và trình ĐHĐCĐ quyết định.
6. Trường hợp VIB phát hành thêm Cổ phần phổ thông, VIB phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền của cổ đông.

Điều 15. Giới hạn sở hữu Cổ phần

Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có liên quan hoặc một nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu số Cổ phần không vượt quá một tỉ lệ phần trăm Vốn điều lệ mà Pháp luật cho phép.

Điều 16. Cổ phiếu

Cổ phiếu hiện nay là Cổ phiếu có ghi tên. Trong quá trình hoạt động khi có nhu cầu và được Pháp luật điều chỉnh, cho phép, VIB sẽ phát hành Cổ phiếu không ghi tên.

1. Cổ phiếu bao gồm đầy đủ các thông tin cần phải có theo quy định của Pháp luật.
2. Trường hợp Cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ và/hoặc khi Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký tại TTLKCK theo quy định của Pháp luật, mỗi Cổ đông sẽ được VIB cấp Cổ phiếu mà mình sở hữu để ghi nhận số vốn góp. Trường hợp Cổ phiếu bị mất, huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ đông phải có văn bản thông báo ngay cho VIB và đề nghị VIB cấp lại Cổ phiếu và phải trả phí cấp lại theo quy định của VIB. Đề nghị cấp lại Cổ phiếu của Cổ đông phải có các nội dung theo quy định của Pháp luật.
Đối với Cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp Cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của VIB có thể yêu cầu chủ sở hữu Cổ phiếu đăng thông báo về việc Cổ phiếu bị mất, bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị VIB cấp Cổ phiếu mới. VIB sẽ chỉ cấp Cổ phiếu mới sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông báo đó được đăng và đã nhận được đề nghị cấp Cổ phiếu có đầy đủ nội dung theo quy định của Pháp luật.
3. VIB có thể thay mặt Cổ đông quản lý Cổ phiếu theo yêu cầu của Cổ đông trừ trường hợp Cổ đông đã lưu ký Cổ phiếu tại TTLKCK theo quy định của Pháp luật.
4. Cổ phiếu của VIB không được dùng làm tài sản bảo đảm tại VIB.
5. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Cổ đông thanh toán đủ cho Cổ phần đã cam kết mua, VIB phải phát hành Cổ phiếu mới cho Cổ đông hoặc thực hiện thủ tục thông báo Cổ phiếu theo quy định của Pháp luật đối với Cổ đông đã lưu ký Cổ phiếu tại TTLKCK.

Điều 17. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Cổ phần của Cổ đông được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin trong Điều 20.2 về người nhận chuyển nhượng đã được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký Cổ đông.
2. Các trường hợp chuyển nhượng Cổ phần sau đây phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:
 - a. Chuyển nhượng Cổ phần của Cổ đông Lớn.
 - b. Chuyển nhượng Cổ phần dẫn đến Cổ đông Lớn hiện tại trở thành Cổ đông thường và ngược lại.
3. Việc chuyển nhượng Cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của Pháp luật.
4. Trình tự, thủ tục xin tách hoặc gộp Cổ phiếu, đính chính thông tin trên Cổ phiếu do HĐQT quy định phù hợp với quy định của Pháp luật trừ trường hợp Cổ phiếu đã được lưu ký tại TTLKCK.
5. VIB phải chấp hành các quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết Cổ phiếu theo quy định của Pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.
6. Trong giai đoạn đang xử lý các hậu quả do trách nhiệm cá nhân của thành viên HĐQT, thành viên BKS hoặc TGD theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc quyết định của NHNN, thì người đó không được chuyển nhượng Cổ phần, trừ khi thành viên này:
 - a. Là Người đại diện theo Ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của Pháp luật; hoặc
 - b. Bị bắt buộc chuyển nhượng Cổ phần theo quyết định của Tòa án hoặc Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

7. Cổ đông là cá nhân hoặc Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, trừ trường hợp được NHNN chấp thuận.
8. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại VIB cho người khác hoặc sử dụng cổ phần của mình để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ đông của VIB.

Điều 18. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế Cổ phần phải tuân thủ Pháp luật và quy định của Điều lệ. Trường hợp Cổ phần của Cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số Cổ phần đó được giải quyết theo quy định của Pháp luật về dân sự.
2. Sau khi xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế sẽ đăng ký Cổ phần thừa kế trong Sổ đăng ký Cổ đông và trở thành Cổ đông, và được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế.
3. Người thừa kế Cổ phần của thành viên HĐQT hoặc BKS và các cán bộ quản lý khác có thể sở hữu Cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền và nghĩa vụ là thành viên của HĐQT hoặc BKS và các chức vụ quản lý tương đương.

Điều 19. Cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu VIB và sẽ có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng Cổ phần họ sở hữu.
VIB phải có ít nhất một trăm (100) Cổ đông. Tổ chức và cá nhân nước ngoài được mua và sở hữu Cổ phần theo quy định của Pháp luật.
2. Người đại diện theo Ủy quyền:
 - a. Cổ đông là tổ chức sẽ cử một hoặc một số Người đại diện theo Ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số Cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện. Trong trường hợp có nhiều hơn một Người đại diện theo Ủy quyền được cử, thì Cổ đông phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu mà mỗi Người đại diện theo Ủy quyền đại diện. Trường hợp Cổ đông không xác định số Cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo Ủy quyền, số Cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng Người đại diện theo Ủy quyền.
 - b. Thông báo cử người đại diện phải có các nội dung sau đây:
 - Tên, địa chỉ Trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông;
 - Số lượng Cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Người đại diện theo Ủy quyền;
 - Số lượng Người đại diện theo Ủy quyền và tỷ lệ Cổ phần tương ứng mỗi Người đại diện theo Ủy quyền;
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo Ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền và
 - Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo Ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.
 - c. Việc cử hoặc chấm dứt Người đại diện theo Ủy quyền sẽ có hiệu lực kể từ ngày VIB nhận được thông báo từ Cổ đông.

Điều 20. Sổ đăng ký Cổ đông

1. VIB có Sổ đăng ký Cổ đông dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VIB hoặc TTLKCK theo quy định của Pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của VIB hoặc TTLKCK.
Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở thì phải thông báo kịp thời với VIB và/hoặc TTLKCK để cập nhật vào Sổ đăng ký Cổ đông. VIB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.
2. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của VIB.
- b. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán.
- c. Tổng số Cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần tương ứng.
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/ thẻ căn cước công dân/ hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức.
- e. Số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.

Điều 21. Quyền của Cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo Ủy quyền; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu.
 - b. Được nhận cổ tức, cổ phiếu thưởng với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ.
 - c. Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông khi VIB tăng Vốn điều lệ, trừ trường hợp có quyết định của ĐHĐCĐ phê chuẩn bán một phần hoặc toàn bộ Cổ phần mới cho một hoặc một nhóm nhà đầu tư.
 - d. Được chuyển nhượng Cổ phần theo quy định trong Điều lệ phù hợp với các quy định của Pháp luật.
 - e. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VIB công bố theo quy định của Pháp luật.
 - f. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong trường hợp là Cổ đông cá nhân.
 - g. Khi VIB giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần góp vào VIB theo quy định của Pháp luật về giải thể, phá sản.
 - h. Được xem, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - i. Xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - j. Cổ đông sở hữu Cổ phần liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền: yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ gây thiệt hại cho VIB; tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo (gồm: báo cáo kết quả kinh doanh của VIB; báo cáo tài chính; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành VIB) trong thời gian hợp lý.
 - k. Yêu cầu VIB mua lại Cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Pháp luật.
 - l. Các quyền khác theo Điều lệ và Pháp luật.
2. Ngoài các quyền được nêu tại Điều 21.1, thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) số Cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng có thêm các quyền sau:
 - a. Để cử ứng cử viên vào HĐQT và BKS theo Điều 21.3, trong trường hợp này thời gian sáu (6) tháng sẽ được tính tới ngày văn bản ứng cử hoặc để cử ứng cử viên được gửi cho HĐQT của VIB.
 - b. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ theo Điều lệ và Pháp luật.
 - c. Xem và trích lục các biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và báo cáo tài chính hàng năm theo các mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, và các báo cáo của BKS.
 - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VIB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân/ thẻ căn cước công dân/ hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của mỗi Cổ đông, thời gian sở hữu Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - e. Các quyền khác theo Điều lệ và Pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 21.2 sẽ có quyền đề cử số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT, BKS như dưới đây, với điều kiện là mọi tỷ lệ sở hữu được nêu tại khoản này đều phải đạt điều kiện về thời gian sở hữu theo quy định tại Điều 21.2:

Tỷ lệ phần trăm Cổ phần sở hữu	Số lượng tối đa ứng cử viên để cử
(%)	(người)
10 đến dưới 15	01
15 đến dưới 30	02
30 đến dưới 40	03
40 đến dưới 50	04
50 đến dưới 60	05
60 đến dưới 70	06
70 đến dưới 80	07
80 đến dưới 90	08

Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại được đề cử bởi các chủ thể theo thứ tự ưu tiên sau: (1) HĐQT, (2) BKS, (3) các Cổ đông khác.

Điều 22. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đầy đủ Cổ phần đã cam kết đăng ký mua trong thời hạn do VIB yêu cầu theo quy định của Pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VIB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VIB; không được góp vốn, mua cổ phần của VIB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của Pháp luật.; chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của VIB.
2. Chấp hành các nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VIB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào VIB.
4. Cổ đông không được rút vốn Cổ phần đã góp ra khỏi VIB dưới bất kỳ hình thức nào dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ, trừ trường hợp được VIB mua lại Cổ phần theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của VIB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VIB trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút.
5. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để sở hữu Cổ phần phải cung cấp cho VIB thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư. VIB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần đó.
6. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VIB dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm Pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
7. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VIB và của các cổ đông khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
9. Có các nghĩa vụ khác theo Điều lệ và Pháp luật.

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ CỦA VIB

Điều 23. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của VIB

Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của VIB gồm:

1. ĐHĐCĐ.
2. HĐQT.
3. BKS và
4. TGD.

Điều 24. Đại hội đồng Cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VIB.
2. Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách đăng ký Cổ đông đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ.
3. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của VIB.
 - b. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
 - c. Phê chuẩn quy định về tổ chức, hoạt động của HĐQT và BKS.
 - d. Quyết định số thành viên HĐQT và BKS cho mỗi nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các điều kiện, tiêu chuẩn và hình thức theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
 - e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hằng năm đối với thành viên HĐQT, BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS.
 - f. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho VIB và các Cổ đông.
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của VIB.
 - h. Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán Cổ phần, chia Cổ phiếu thưởng.
 - i. Thông qua việc mua lại Cổ phần đã bán theo quy định của Pháp luật.
 - j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
 - k. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác của VIB.
 - l. Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.
 - m. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên hai mươi phần trăm (20%) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa một bên là VIB với bên kia là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Cổ đông Lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, Cổ đông Lớn; công ty con, công ty liên kết của VIB. Trong trường hợp này, các Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.
 - n. Quyết định thành lập công ty con.
 - o. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên so với Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - p. Quyết định đầu tư và quyết định mua bán tài sản của VIB có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên so với Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - q. Quyết định các giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VIB.
 - r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VIB.
 - s. Phê chuẩn việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIB.
 - t. Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Pháp luật.
4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ về:

- a. Bất kỳ hợp đồng nào liên quan đến Điều 24.3.m và Điều 41.16 của Điều lệ mà Cổ đông đó hoặc một người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
- b. Bất kỳ việc mua Cổ phiếu nào từ Cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan nào của Cổ đông đó.
5. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.
6. ĐHĐCĐ được ủy quyền cho HĐQT quyết định một số loại việc thuộc thẩm quyền của mình, trừ những loại việc nêu tại Điều 31.2 và Điều 31.5.

Điều 25. Hợp ĐHĐCĐ thường niên

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được HĐQT triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Pháp luật và Điều lệ quy định.
3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VIB có các khoản ngoại trừ trọng yếu, VIB phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

Điều 26. Hợp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIB.
 - b. Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 21.2. Trong trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan ghép lại.
 - d. Theo yêu cầu của BKS.
 - e. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.
 - f. Theo yêu cầu của NHNN.
2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu theo Điều 26.1, trừ trường hợp số lượng thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điều 26.1.b HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày.
3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 26.2 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ.
4. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 26.3 thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 21.2 đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ.
5. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị NHNN giám sát việc triệu tập và tiến hành cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.
6. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
7. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo điều này sẽ do VIB thanh toán. Để tránh hiểu nhầm, những chi phí này không bao gồm chi phí mà Cổ đông phải chịu để tham dự họp ĐHĐCĐ, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 27. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ sẽ được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của VIB tại ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có đầy đủ các thông tin theo quy định của Pháp luật.
3. Mỗi Cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
4. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, thì người chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ.
5. Cổ đông có quyền trực tiếp dự họp ĐHĐCĐ; có quyền yêu cầu người triệu tập họp ĐHĐCĐ sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 28. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có Người đại diện theo Ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp.
2. Việc ủy quyền theo điều này phải phù hợp với mẫu do VIB quy định, và phải có các nội dung sau:
 - a. Trường hợp Cổ đông là cá nhân ủy quyền: họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch và số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực của Cổ đông đó, số Cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch và số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực của người được ủy quyền; chữ ký và họ tên đầy đủ của cả Cổ đông đó và người được ủy quyền dự cuộc họp.
 - b. Trường hợp cổ đông là tổ chức:
 - Người đại diện theo Ủy quyền thực hiện việc ủy quyền: tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày của quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông, số Cổ phần; họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch và số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của Người đại diện theo Ủy quyền, số Cổ phần hiện được ủy quyền, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch và số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền; chữ ký và họ tên đầy đủ của Người đại diện theo Ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự cuộc họp.
 - Cổ đông là tổ chức chưa có Người đại diện theo Ủy quyền thực hiện việc ủy quyền: tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số và ngày của quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông, số Cổ phần; họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch và số chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ; chữ ký và họ tên đầy đủ của Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự cuộc họp.
 - c. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền của mình trước khi vào phòng họp. Để tránh hiểu nhầm, số Cổ phần của người được ủy quyền này sẽ được tính vào số Cổ phần của Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.
3. Ngoại trừ trong trường hợp quy định tại Điều 28.4, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi ủy quyền sẽ vẫn có hiệu lực trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:
 - a. Người ủy quyền chết, hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người ủy quyền chấm dứt ủy quyền.
4. Quy định Điều 28.2 sẽ không áp dụng nếu VIB nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Điều 28.3 chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ.

Điều 29. Triệu tập và chương trình họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện dự họp và biểu quyết như quy định tại Điều 27, chương trình họp, nội dung, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy chế của VIB.
 - b. Quyết định thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ và

- c. Thông báo cho tất cả các Cổ đông về cuộc họp ĐHĐCĐ và gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ cho họ.
- d. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

2. Thông báo mời họp được gửi ít nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông hoặc Người đại diện theo Ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của Cổ đông, trừ trường hợp Cổ đông đăng ký nhận Thông báo mời họp và tài liệu qua email hoặc bằng phương thức khác.

Thông báo mời họp và tất cả các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB, thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông. Tài liệu họp được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB bao gồm: Thông báo mời họp, Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên BKS, thành viên HĐQT và dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình.

- 3. Một Cổ đông riêng lẻ hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 21.2 sẽ có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản, ghi rõ họ, tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại Cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông với VIB, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và được gửi đến VIB chậm nhất là bảy (7) Ngày Làm việc trước ngày họp ĐHĐCĐ.
- 4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 29.3 trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ hoặc không phù hợp với lợi ích của VIB.
 - c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ và không phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- 5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa các kiến nghị quy định tại Điều 29.3 vào chương trình nghị sự cuộc họp, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 29.4. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình nghị sự của cuộc họp nếu ĐHĐCĐ đồng ý.

Điều 30. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và Biên bản họp ĐHĐCĐ

- 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số Cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng chín mươi (90) phút kể từ thời điểm dự định khai mạc cuộc họp thì ĐHĐCĐ phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ phần trăm đại diện số Cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng chín mươi (90) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì ĐHĐCĐ lần thứ ba được triệu tập họp trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông, tỷ lệ đại diện số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai, lần thứ ba có quyền quyết định tất cả các vấn đề theo chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.
- 3. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, trước khi khai mạc, VIB phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp.
- 4. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VIB cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
- 5. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội; trong trường hợp này, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì phó chủ tịch hoặc thành viên khác thuộc HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ chủ tọa họp ĐHĐCĐ; trường hợp phó chủ tịch không dự họp và Chủ tịch HĐQT không ủy quyền cho bất kỳ thành viên HĐQT nào thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - Trường hợp khác, người ký tên triệu tập ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - Chủ tọa có thể đề nghị ĐHĐCĐ bầu Đoàn chủ tịch để cùng Chủ tọa điều khiển đại hội.
 - Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký hoặc ban thư ký cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp; Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.
7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có các quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
8. Chủ tọa có quyền:
- Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - Quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.
 - Hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
 - Hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc trừ trường hợp Luật Các Tổ chức tín dụng có quy định khác hoặc NHNN có hướng dẫn khác.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
11. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách kiểm thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó kiểm thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.
12. Chủ tọa và thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt và hoàn thành, thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, được Chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ và thư ký ký tên.
13. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
14. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- Bản tiếng Việt của biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả Cổ đông theo phương thức nhận tài liệu mà Cổ đông đã đăng ký với VIB trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp. HĐQT tổ chức việc dịch Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ sang Tiếng Anh và gửi cho Cổ đông nước ngoài trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ
15. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
16. Các bản ghi chép, biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ và tài liệu có liên quan khác phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của VIB.

Điều 31. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ sẽ thông qua các nghị quyết thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về những vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - a. Quyết định phương hướng phát triển của VIB theo quy định tại Điều 24.3.a.
 - b. Quyết định về số lượng thành viên HĐQT và BKS cho mỗi nhiệm kỳ công tác; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bầu thành viên mới và thay thế thành viên HĐQT và BKS phù hợp với các tiêu chí và điều kiện quy định trong Luật Các Tổ chức tín dụng và Điều lệ theo quy định tại Điều 24.3.d.
 - c. Xem xét và xử lý trong phạm vi quyền hạn của mình các vi phạm của HĐQT và BKS gây thiệt hại cho VIB và các Cổ đông của VIB theo quy định tại Điều 24.3.f.
 - d. Ra các quyết định về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể và yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản VIB theo quy định tại Điều 24.3.r.
 - e. Phê duyệt phương án thay đổi mức Vốn điều lệ và phương án chào bán Cổ phần, trong đó nêu rõ số lượng Cổ phần mới sẽ chào bán theo quy định tại Điều 24.3.h và
 - f. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm của VIB theo quy định tại Điều 24.3.k.
3. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 31.4, Điều 31.5 nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.
4. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về bất kỳ vấn đề nào sau đây sẽ được thông qua tại cuộc họp (nếu có) khi được số Cổ đông đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận:

- a. Phê duyệt phương án thay đổi mức Vốn điều lệ và phương án chào bán Cổ phần, trong đó nêu rõ số lượng Cổ phần mới sẽ chào bán theo quy định tại Điều 24.3.h.
 - b. Quyết định đầu tư và quyết định mua, bán tài sản của VIB có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên so với Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất theo quy định tại Điều 24.3.p.
 - c. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu mở thủ tục phá sản VIB theo quy định tại Điều 24.3.r.
5. Việc sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ này theo quy định tại Điều 24.3.b phải được thông qua theo nghị quyết của ĐHĐCĐ khi có từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) trở lên tổng số phiếu bầu các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo Ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).
 6. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được gửi cho Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của VIB trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày được thông qua (bao gồm cả bản dịch tiếng Anh gửi cho các Cổ đông nước ngoài; Bản tiếng Việt và bản tiếng Anh có hiệu lực pháp lý ngang nhau; trường hợp giữa bản tiếng Việt và bản dịch sang tiếng Anh có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo bản tiếng Việt).

Điều 32. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản

1. Bất kỳ vấn đề nào không được liệt kê tại Điều 31.2 có thể được thông qua theo nghị quyết của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự nhất trí bằng văn bản của các Cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) số Cổ phần có quyền biểu quyết của VIB.
2. Phụ thuộc vào Điều 32.1, để các nghị quyết được các Cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT có trách nhiệm:
 - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các Cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ và Pháp luật.
 - b. Gửi phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết tới địa chỉ thường trú của từng Cổ đông có quyền biểu quyết bằng thư bảo đảm chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến sẽ có các thông tin Pháp luật yêu cầu, kể cả thời hạn gửi lại ý kiến ("Ngày Gửi lại").
 - c. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định nghị quyết của ĐHĐCĐ và trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, HĐQT phải gửi biên bản kiểm phiếu và quyết định của ĐHĐCĐ cho các Cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ của VIB (bao gồm cả bản dịch tiếng Anh gửi cho các Cổ đông nước ngoài) và báo cáo cơ quan có thẩm quyền của NHNN tại tỉnh hoặc thành phố (nơi VIB đặt trụ sở chính).
Bản tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý ngang nhau; trường hợp giữa bản tiếng Việt và bản dịch sang tiếng Anh có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo bản tiếng Việt). Việc gửi các tài liệu này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VIB.
3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được ĐHĐCĐ trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 33. Hiệu lực của nghị quyết của ĐHĐCĐ và việc huỷ bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định hoặc các nội dung không nằm trong Chương trình họp kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ đã gửi cho Cổ đông.
3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông, thành viên HĐQT, BKS và TGD có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài viên xem xét và huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện theo Điều lệ và quy định của Pháp luật trừ trường hợp các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết).
 - b. Nội dung của nghị quyết vi phạm Điều lệ và quy định của Pháp luật.
4. Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị yêu cầu hủy bỏ theo quy định này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án, trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn chung của HĐQT, BKS, TGD

1. HĐQT là cơ quan quản trị VIB, có toàn quyền nhân danh VIB thực hiện các quyền, nghĩa vụ của VIB trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. BKS là cơ quan giám sát hoạt động tài chính của VIB; thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
3. TGD là người chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VIB.
4. Danh sách những người dự kiến để bầu làm thành viên HĐQT, thành viên BKS, hoặc để bổ nhiệm làm TGD của VIB phải được NHNN chấp thuận trước theo quy định Pháp luật.

Điều 35. Những người không được đảm nhiệm chức danh thành viên HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD, Giám đốc Khối/Ban và Kế toán trưởng VIB

1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích.
5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VIB.
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VIB.
7. Các trường hợp đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của VIB và bị VIB khiếu nại, tố cáo, khởi kiện ra các cơ quan có thẩm quyền.
8. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
9. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, tổng giám đốc (giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng.
10. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm Pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.
11. Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, tổng giám đốc (giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các Tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
12. Người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD không được là thành viên BKS của VIB.
13. Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT không được là TGD.

14. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên HĐQT, TGD và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của VIB.
15. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng.
16. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 36. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ, đương nhiên mất tư cách, đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD

1. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ: Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Các Tổ chức tín dụng.
2. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách: Thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Các Tổ chức tín dụng.
3. Trường hợp đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh HĐQT, BKS, TGD: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Các Tổ chức tín dụng.

Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch, thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b. Có đơn xin từ chức gửi HĐQT.
 - c. Không tham gia hoạt động của HĐQT trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 35.
 - e. Thành viên độc lập của HĐQT không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập.
 - f. Vi phạm quy định của Pháp luật và Điều lệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - g. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
 - h. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho VIB với tư cách là ứng viên HĐQT.
2. Trưởng Ban, Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b. Có đơn xin từ chức gửi BKS.
 - c. Không tham gia hoạt động của BKS trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 35.
 - e. Vi phạm quy định của Pháp luật và Điều lệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. TGD bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b. Có đơn xin từ chức gửi HĐQT.
 - c. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 35.
 - d. Vi phạm quy định của Pháp luật và Điều lệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên HĐQT, Trưởng ban, thành viên BKS, TGD phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
5. Trong thời hạn mười (10) Ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Điều 37.1, Điều 37.2 và Điều 37.3, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN và thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 38. Nghĩa vụ chung

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người Điều hành phải:
 - a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Pháp luật, Điều lệ, và nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ.
 - b. Thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VIB, Cổ đông.
 - c. Trung thành với VIB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VIB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VIB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của VIB và Cổ đông.
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIB về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VIB (bao gồm cả nội dung quy định tại Điều 39) và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận (bao gồm những thành viên HĐQT không có liên quan).
 - e. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VIB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của VIB.
 - f. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VIB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của VIB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
 - g. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của VIB.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và thành viên Ban Điều hành không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi VIB bị lỗ.
3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và Người điều hành phải chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp luật về những thiệt hại gây ra nếu vi phạm nghĩa vụ của mình.

Điều 39. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD và Giám đốc Khối/Ban, theo sự hiểu biết của mình, phải công khai với VIB các thông tin sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan của mình đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ năm phần trăm (5%) Vốn điều lệ trở lên.
2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của mình cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
3. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc).
4. Các hợp đồng quy định tại Điều 24.3(m) và Điều 41.16 phải được phê duyệt theo Điều 24.3(m) và Điều 41.16 trước khi ký. Bất kỳ hợp đồng nào ký mà không được phê duyệt theo quy định tại Điều 24.3(m) và Điều 41.16 sẽ bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho VIB phải chịu trách nhiệm bồi thường theo Điều 38.3.
5. Việc công khai thông tin quy định tại Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. VIB phải công khai thông tin quy định tại Điều này định kỳ hằng năm cho ĐHĐCĐ và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của VIB.

Điều 40. Thành phần và nhiệm kỳ của HĐQT

1. HĐQT phải có tối thiểu năm (5) thành viên và không quá mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể từng nhiệm kỳ được quyết định bởi ĐHĐCĐ. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và thành viên độc lập, trong đó phải có ít nhất một thành viên độc lập. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá (một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là bốn (4) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT; nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không giới hạn, trừ trường hợp thành viên HĐQT độc lập không được bầu lại làm Thành viên HĐQT độc lập trong năm (5) tiếp theo kể từ ngày thôi giữ chức Thành viên HĐQT độc lập.

Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VIB phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và mỗi Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Thành viên HĐQT độc lập phải được bầu tách riêng với việc bầu thành viên HĐQT.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của phiên họp ĐHĐCĐ.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT phải được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách ứng cử viên dự kiến để bầu thành viên HĐQT và báo cáo việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT được thực hiện theo quy định của NHNN.
5. Kết quả bầu, bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT phải được thông báo cho NHNN trong vòng mười (10) Ngày Làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.
6. Chủ tịch HĐQT và các thành viên khác trong HĐQT không được uỷ quyền cho những người không phải là thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp uỷ quyền dự họp HĐQT theo quy định tại Điều 45.6.
7. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành hoặc nhân viên của VIB; thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, người điều hành hoặc nhân viên của tổ chức tín dụng khác.
8. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và không phải là Cổ đông nước ngoài, người đại diện của Cổ đông nước ngoài là tổ chức.
9. Thành viên HĐQT không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam hoặc là thành viên BKS của tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của VIB.
10. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

Điều 41. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

1. Quản trị VIB theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của VIB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và BKS.
3. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và trước ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động cũng như những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ và Pháp luật gây thiệt hại cho VIB.
4. Gửi Điều lệ, nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ cho NHNN.
5. Trình NHNN chấp thuận:
 - a. Việc thành lập công ty con.

- b. Việc mở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp của VIB.
 - c. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể VIB và chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con hoặc đơn vị sự nghiệp của VIB.
 - d. Những thay đổi được quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Các Tổ chức tín dụng.
 - e. Việc phát hành Cổ phần mới.
 - f. Danh sách ứng cử viên dự kiến để bầu các thành viên HĐQT; các thành viên BKS hoặc bổ nhiệm TGD.
6. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của VIB.
 7. Quyết định cấu trúc tổ chức các Khối và các đơn vị tương đương tại Hội sở, cấu trúc quản lý và quy chế hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; quyết định điều lệ, cơ cấu tổ chức của công ty con của VIB.
 8. Phê duyệt phương án hoạt động kinh doanh do TGD đề nghị.
 9. Đề nghị về phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức để ĐHĐCĐ phê duyệt. Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.
 10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ chức vụ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh TGD; Phó TGD; Giám đốc khối và các chức danh tương đương; kế toán trưởng; thư ký HĐQT; Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc công ty con.
 11. Phê duyệt, ban hành quy chế tài chính và một số quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VIB phù hợp với Pháp luật.
 12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo TGD và các cán bộ quản lý khác thực hiện nhiệm vụ được phân công và xem xét sai phạm của những người này gây thiệt hại cho VIB và thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của TGD.
 13. Thành lập các ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có hai ủy ban là Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. HĐQT phải ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các ủy ban nêu tại điều này.
 14. Quyết định các khoản cấp tín dụng (bao gồm cả việc mua, bán trái phiếu doanh nghiệp) có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) Vốn chủ sở hữu của VIB; các khoản mua, bán trái phiếu chính phủ, giấy tờ có giá khác không phải trái phiếu doanh nghiệp có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) Vốn chủ sở hữu của VIB trên cơ sở đảm bảo các tỷ lệ về an toàn trong hoạt động ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 24.3.m.
 15. Thông qua các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa một bên là VIB với bên kia là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Cổ đông Lớn, người có liên quan của họ; hoặc với công ty con, công ty liên kết của VIB. Trong trường hợp này, các thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
 16. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới hai mươi phần trăm (20%) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 17. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán, thế chấp, cầm cố tài sản của VIB từ mười phần trăm (10%) trở lên so với Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 24.3.p.
 18. Cử người đại diện vốn góp của VIB tại các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
 19. Quyết định phát hành trái phiếu có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) Vốn chủ sở hữu của VIB trừ phát hành trái phiếu chuyển đổi thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 24.3j.
 20. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VIB với sự hỗ trợ từ Ủy ban Quản lý Rủi ro.
 21. Kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VIB.
 22. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VIB; quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán.
 23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

24. Phê duyệt chương trình, nội dung tài liệu cho các cuộc họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
25. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT.
26. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp hoặc được công nhận để định giá tài sản VIB nhận góp vốn điều lệ của Cổ đông hoặc VIB góp vốn điều lệ vào doanh nghiệp khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của Pháp luật.
27. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, TGD.
28. Phê duyệt báo cáo thường niên.
29. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
30. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng.
31. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VIB.
32. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
33. Đảm bảo hoạt động của VIB tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIB.
34. Phê duyệt hoặc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của TGD.
35. Xét duyệt cấp tín dụng những trường hợp đặc biệt để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
36. Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên BKS, kiểm toán viên nội bộ).
37. HĐQT giám sát TGD đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, trong việc:
 - a. Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin.
 - b. Duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.
 - c. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - d. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.
 - e. Các nội dung khác do HĐQT quy định.
38. HĐQT giám sát TGD đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, trong việc:
 - a. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.
 - b. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - c. Các nội dung khác do HĐQT quy định.
39. HĐQT giám sát TGD đối với quản lý rủi ro trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro, trong việc:
 - a. Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.
 - b. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - c. Các nội dung khác do HĐQT quy định.
40. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ.

Điều 42. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên HĐQT theo Điều lệ; thực hiện nhiệm vụ được HĐQT giao, Chủ tịch HĐQT phân công.
 - b. Tham dự các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật Các Tổ chức tín dụng, ngoại trừ không có quyền biểu quyết do xung đột quyền

- lợi với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những quyết định của mình.
- c. Thực hiện các nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
 - d. Hai phần ba thành viên HĐQT trở lên có quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường.
 - e. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực thi nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
 - f. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường.
 - g. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - h. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của VIB.
 - i. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, VIB và thực hiện công bố thông tin khi thành viên HĐQT hoặc người liên quan thực hiện giao dịch cổ phiếu của VIB theo quy định của pháp luật.
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ .
2. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:
- a. Lập kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp hoặc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT và ký các Nghị quyết và văn bản khác của HĐQT.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
 - e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ tại các cuộc họp do HĐQT triệu tập.
 - f. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
 - g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT và giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công, thực hiện các quyền, nghĩa vụ chung.
 - h. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này.
 - i. Được yêu cầu BKS, Kiểm toán Nội bộ kiểm tra, giám sát những vụ việc có dấu hiệu bất thường trong hệ thống VIB và nhận thông báo kết quả từ BKS, Kiểm toán Nội bộ.
 - j. Được tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành do TGD tổ chức.
 - k. Được yêu cầu TGD, cán bộ nhân viên VIB báo cáo các thông tin, tài liệu có liên quan đến VIB nhằm đảm bảo cho VIB hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.
 - l. Ủy quyền cho một trong số các Phó Chủ tịch hoặc thành viên khác trong HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.
 - m. Các quyền, nghĩa vụ khác theo ủy quyền của HĐQT.

Điều 43. Thù lao của thành viên HĐQT

1. Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Thành viên HĐQT độc lập không hưởng lương và thù lao thường xuyên của VIB ngoại trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT có quyền được hưởng theo đúng quy định và tiền thưởng hàng năm hoặc thưởng theo nhiệm kỳ. Tổng mức thù lao, phụ cấp, thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Mức thù lao, phụ cấp, thưởng của từng thành viên do HĐQT quyết định căn cứ vào tổng mức thù lao, phụ cấp, thưởng của HĐQT đã được phê duyệt.
2. Tổng chi phí (thù lao, phụ cấp, thưởng và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên HĐQT được nêu chi tiết trong báo cáo tài chính hàng năm của VIB.

Điều 44. Thay thế thành viên HĐQT

1. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một thành viên (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật) làm Chủ tịch HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT. Việc từ chức sẽ không có hiệu lực cho tới khi HĐQT đã thông qua quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch.
3. Trường hợp thành viên HĐQT muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi HĐQT để trình ĐHĐCĐ quyết định. Việc từ chức sẽ không có hiệu lực cho tới khi ĐHĐCĐ đã thông qua quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên. HĐQT có quyền quyết định việc dừng tham gia họp HĐQT và thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác của thành viên HĐQT có đơn xin từ chức cho đến khi việc từ chức được ĐHĐCĐ thông qua.
4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên HĐQT hoặc không đủ năm (5) thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ, thì trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên theo quy định, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT.
5. Trong những trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi miễn hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên khác trong HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, các phó chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên khác trong HĐQT mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong nhiệm kỳ công tác của mình.

Điều 45. Các cuộc họp của HĐQT

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc khẩn cấp. HĐQT họp tại trụ sở chính của VIB hoặc ở nơi khác.
2. Cuộc họp bất thường của HĐQT được triệu tập theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch HĐQT.
 - b. Ít nhất 02 Thành viên HĐQT.
 - c. Thành viên HĐQT độc lập.
 - d. BKS.
 - e. TGD hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 45.2, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT và tất cả các thành viên HĐQT bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
4. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức sử dụng phương tiện thông tin liên lạc trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua một hoặc nhiều phương tiện thông tin liên lạc. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, các thành viên tham dự họp có trách nhiệm ký vào biên bản cuộc họp trong thời gian sớm nhất ngay khi có thể thực hiện được.
5. Cuộc họp HĐQT được tiến hành sau ít nhất mười (10) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên HĐQT trừ khi tất cả các thành viên HĐQT có thỏa thuận khác.

Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt (và tiếng Anh cho các thành viên là người nước ngoài). Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình và

các vấn đề được thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VIB.

Nếu một thành viên HĐQT gửi phiếu biểu quyết cho HĐQT trước cuộc họp hoặc ủy quyền cho thành viên khác của HĐQT thay mặt mình tham dự cuộc họp và biểu quyết, thì thành viên đó sẽ được xem như đã trực tiếp tham dự cuộc họp về nội dung biểu quyết để có được số thành viên cần thiết để tổ chức cuộc họp về chủ đề đó và đối với việc thông qua các nghị quyết và quyết định.

Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

6. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

Trường hợp sau khi triệu tập cuộc họp HĐQT lần thứ hai mà không đủ số thành viên có mặt thì VIB phải triệu tập cuộc họp bất thường của ĐHCĐ theo Điều 26.3 hoặc Điều 26.4 trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo để các Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên HĐQT.

Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền: (i) ủy quyền dự họp và biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác; trong trường hợp này, thành viên HĐQT ủy quyền vẫn được tính là thành viên tham dự cuộc họp; (ii) gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản; trong trường hợp này, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc; phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp (iii) Ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT thay mặt mình tham dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT dự họp nhất trí; trong trường hợp này, người được ủy quyền tham dự được tính vào số lượng thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, được phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

7. Biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên HĐQT tham dự họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được ủy quyền cho thành viên khác hoặc nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c. Bất kỳ thành viên nào của HĐQT có liên quan đến một trong những hợp đồng được mô tả tại Điều 24.3.m sẽ bị coi như có quyền lợi liên quan đến những hợp đồng đó.
8. Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến ký kết với VIB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây HĐQT sẽ xem xét việc có ký kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không; nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
 9. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch, hoặc thành viên khác trong HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt) hoặc chủ tọa do HĐQT bầu nếu Chủ tịch HĐQT không có ủy quyền.
 10. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết về một vấn đề thì nghị quyết được coi là có giá trị tương đương với một nghị quyết được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.
 - b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.

- c. Thời gian để thành viên HĐQT gửi ý kiến trả lời ít nhất là năm (5) ngày kể từ ngày văn bản lấy ý kiến được gửi đi, trường hợp đặc biệt do yêu cầu công tác gấp, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền lấy ý kiến có thể đề nghị các thành viên HĐQT trả lời ý kiến sớm hơn; thành viên HĐQT có thể gửi ý kiến trả lời bằng hình thức văn bản scan, nhưng ngay sau đó phải gửi bản gốc ý kiến trả lời cho Thư ký HĐQT để lưu trữ hồ sơ.
 - d. Sau khi kết thúc thời hạn được quy định cụ thể trong văn bản lấy ý kiến, thành viên không có ý kiến trả lời thì coi như không tham gia họp, tham gia thông qua nghị quyết HĐQT.
 - e. Nghị quyết HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được làm bằng tiếng Việt (và tiếng Anh cho thành viên nước ngoài) trên cơ sở Biên bản họp tiếng Việt (và tiếng Anh nếu có thành viên nước ngoài) được Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền lấy ý kiến, Thư ký HĐQT, Trưởng BKS ký tên. Các thành viên này phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nghị quyết HĐQT. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền lấy ý kiến có trách nhiệm bố trí lập và gửi nghị quyết cho các thành viên HĐQT sau khi bản nghị quyết đó được ban hành.
11. Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ vào Biên bản họp bằng tiếng Việt (và tiếng Anh nếu có thành viên nước ngoài). Biên bản họp phải được tất cả các thành viên HĐQT tham dự họp ký tên. Biên bản tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý ngang nhau; trường hợp giữa Biên bản tiếng Việt và bản dịch sang tiếng Anh có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ toạ và thư ký của HĐQT phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp HĐQT. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp cho các thành viên HĐQT và những Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIB.
 12. HĐQT có thể cho phép một số người ở những vị trí chủ chốt của VIB, phiên dịch của các thành viên HĐQT (đối với các thành viên HĐQT là người nước ngoài) hoặc người khác mà HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết được tham dự cuộc họp của HĐQT đối với các vấn đề có liên quan nhưng tất cả những người tham dự này không có quyền biểu quyết.

Điều 46. Bộ máy giúp việc của HĐQT

1. HĐQT có Thư ký/Trợ lý để giúp việc cho HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký/Trợ lý do HĐQT quy định. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký/Trợ lý bao gồm:
 - Gửi thông báo triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hay của BKS;
 - Chuẩn bị biên bản cuộc họp;
 - Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
 - Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Cổ đông.
 Nếu cần thiết, Thư ký/Trợ lý cho HĐQT có thể chỉ định và ủy quyền một số hoặc toàn bộ trách nhiệm của Thư ký/Trợ lý cho người khác được HĐQT chấp thuận để chuẩn bị các nội dung biên bản cuộc họp bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Các chi phí liên quan đến việc chuẩn bị biên bản này do VIB thanh toán.
2. HĐQT thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban/Hội đồng để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 47. Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm TGD hoặc thuê TGD.
2. TGD là là người đại diện theo pháp luật của VIB, là người điều hành cao nhất của VIB, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VIB.
3. Trừ trường hợp HĐQT có quy định khác, nhiệm kỳ của TGD là bốn (4) năm. TGD có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của TGD được thực hiện theo Pháp luật.
4. TGD không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau: thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của VIB; tổng giám đốc (giám đốc) hoặc các chức danh điều hành khác của doanh nghiệp khác.

5. Lương của TGD phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIB và báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.
6. TGD có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.
 - b. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của VIB; quyết định các hoạt động khác không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, HĐQT, BKS.
 - c. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
 - d. Lập và trình HĐQT thông qua các phương án hoạt động kinh doanh của VIB.
 - e. Lập và trình HĐQT thông qua thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
 - f. Ban hành theo thẩm quyền các quy định nội bộ để điều hành hoạt động kinh doanh.
 - g. Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHCĐ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của VIB.
 - h. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT.
 - i. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của VIB trình HĐQT.
 - j. Đề nghị HĐQT hợp bất thường theo quy định của Điều lệ và quy định của Pháp luật.
 - k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của VIB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.
 - l. Ký kết hợp đồng nhân danh VIB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của VIB.
 - m. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của VIB.
 - n. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
 - o. Quy định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phạt, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của Pháp luật.
 - p. Quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của Pháp luật.
 - q. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Pháp luật và quyết định của HĐQT.

Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD

1. HĐQT chỉ được ra quyết định bổ nhiệm TGD sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bổ nhiệm làm TGD. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bổ nhiệm TGD được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Sau khi có quyết định bổ nhiệm của HĐQT, TGD được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; TGD cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho TGD mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp TGD bị đương nhiên mất tư cách TGD thì HĐQT phải cử ngay một Phó TGD hoặc một Giám đốc Khối/Ban khác bảo đảm các điều kiện theo quy định của Pháp luật để đảm nhiệm công việc của TGD và gửi ngay báo cáo bằng văn bản lên NHNN nơi VIB đặt trụ sở chính.
4. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày TGD bị mất tư cách TGD hoặc HĐQT nhận được đơn xin từ chức của TGD, HĐQT phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm TGD mới trình NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bổ nhiệm làm TGD.
5. Trường hợp TGD vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ, HĐQT có quyền tạm đình chỉ, bãi nhiệm TGD, đồng thời phải cử ngay một Phó TGD hoặc một Giám đốc Khối/Ban khác bảo đảm các điều kiện theo quy định của Pháp luật để đảm nhiệm công việc của TGD và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh TGD, gửi NHNN nơi VIB đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định Pháp luật.
6. Trong thời gian chưa được NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bổ nhiệm làm TGD, thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, Trưởng BKS và các thành viên BKS hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Cổ đông về mọi hoạt động của VIB.

Điều 49. Thành phần và nhiệm kỳ BKS

1. BKS có số thành viên từ ba (3) đến năm (5) người và trong đó có ít nhất có một nửa số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại VIB hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên BKS chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. BKS phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Số lượng thành viên BKS cụ thể từng nhiệm kỳ được quyết định bởi ĐHĐCĐ.
2. Nhiệm kỳ của BKS là bốn (4) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Thành viên BKS chuyên trách phải được bầu tách riêng với việc bầu thành viên BKS.

Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.

BKS bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS.

3. Trưởng BKS không được đồng thời là thành viên BKS, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a. Thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên của VIB hoặc công ty con của VIB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, TGD là thành viên hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b. Thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên HĐQT, người điều hành tại VIB.
4. Trường hợp số thành viên BKS không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ thì trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VIB phải triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung đủ số lượng thành viên BKS.

Điều 50. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ trong quản trị, điều hành ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Tổ chức hoạt động của bộ máy kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành VIB để thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính sáu (6) tháng đầu năm và hàng năm của VIB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS được tham khảo ý kiến HĐQT trước khi nộp báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.
5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản trị, điều hành hoạt động của VIB khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của HĐQT, một Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Điều 21.2. BKS phải triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (7) Ngày Làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VIB.

6. Thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48h khi phát hiện trường hợp vi phạm của Người quản lý và Người điều hành, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
7. Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông Lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, BKS, TGD, lưu giữ và cập nhật danh sách này.
8. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
9. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.
10. Được sử dụng con dấu của VIB để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
11. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
12. Xây dựng và ban hành quy định, quy trình, các phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ, kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo quy định của Pháp luật và phù hợp với yêu cầu kiểm toán nội bộ đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của VIB.
13. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VIB.
14. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VIB.
15. Có quyền thông qua Trưởng BKS, tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của VIB.
16. Thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
17. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định của Pháp luật.
18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
19. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VIB; độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VIB.
20. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ.
21. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế BKS.

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên BKS

1. Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.
 - b. Chuẩn bị chương trình họp của BKS trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS.
 - c. Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.
 - d. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ bất thường quy định tại Điều lệ hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.
 - e. Tham dự cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
 - f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
 - h. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.
 - i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên BKS.

- j. Ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
 - k. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ và Pháp luật.
2. Thành viên BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
- a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên BKS, nhiệm vụ được BKS giao và được Trường BKS phân công.
 - b. Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
 - c. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính của VIB và kiến nghị biện pháp khắc phục.
 - d. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của VIB. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
 - e. Tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VIB và của Cổ đông.
 - f. Hai phần ba số thành viên BKS trở lên có quyền đề nghị HĐQT họp phiên bất thường và triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có sai phạm nghiêm trọng theo quy định tại Điều lệ.
 - g. Bầu một thành viên BKS làm Trường BKS.
 - h. Yêu cầu Trường BKS triệu tập BKS họp bất thường.
 - i. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VIB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
 - j. Ít nhất một tháng một lần, có văn bản báo cáo Trường BKS tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho thành viên đó; Báo cáo Trường BKS về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
 - k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Pháp luật.
3. Thành viên chuyên trách của BKS, thành viên BKS không phải là Cổ đông được hưởng lương theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các thành viên BKS khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên BKS do ĐHĐCĐ quyết nghị. Các thành viên BKS được VIB đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số chi phí (lương hoặc thù lao, thưởng và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên BKS được nêu chi tiết trong báo cáo hàng năm của VIB. Thù lao và chi phí của các thành viên BKS do Nhà đầu tư Chiến lược Nước ngoài bổ nhiệm được Nhà đầu tư Chiến lược Nước ngoài quyết định và chi trả.
4. Thành viên HĐQT, TGD, các Người điều hành và các cán bộ nhân viên khác của VIB phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của VIB theo yêu cầu của BKS. Thư ký HĐQT phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên HĐQT.

Điều 52. Thay thế thành viên BKS

1. Thành viên của BKS sẽ bị mất tư cách thành viên và bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 36 và Điều 37. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự để bầu thành viên BKS, báo cáo việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên trong BKS được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Trong vòng mười lăm (15) Ngày Làm việc kể từ ngày Trường BKS bị mất tư cách thành viên BKS, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên làm Trường BKS.
3. Trường BKS muốn từ chức trường ban, phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Trường BKS hiện tại và bầu Trường BKS mới theo quy định của Pháp luật. Trường hợp các thành viên BKS còn lại không phải là Cổ đông, trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trường BKS), BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ để quyết định số thành viên BKS phù

hợp với quy định của Điều lệ và bầu thành viên BKS trong số các Cổ đông, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng BKS.

4. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS để trình ra cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.
5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên BKS hoặc không đủ số thành viên BKS tối thiểu theo quy định của Điều lệ, trong vòng sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên BKS theo quy định, BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên BKS.
6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 53. Các cuộc họp của BKS

1. BKS họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch HĐQT.
 - b. Ít nhất hai phần ba số thành viên HĐQT.
 - c. Trưởng BKS.
 - d. Ít nhất hai (2) thành viên BKS.
 - e. TGD.
 - f. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Điều 21.2.
 - g. Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi VIB đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn bảy (7) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường theo quy định tại Điều 53.2, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập họp BKS, HĐQT hoặc các thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo NHNN nơi VIB đặt trụ sở chính và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời ra nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên BKS bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng BKS và báo cáo NHNN theo quy định của Pháp luật hoặc quyết định tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Cuộc họp BKS chỉ được tiến hành sau ít nhất năm (5) ngày kể từ ngày gửi thông báo họp cho các thành viên BKS trừ khi tất cả các thành viên BKS có thỏa thuận khác. Thông báo về cuộc họp BKS được làm bằng văn bản tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp BKS và cả các phiếu bầu cho những thành viên BKS không thể dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên BKS có quyền uỷ quyền biểu quyết cho một thành viên BKS khác hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp BKS chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
5. Cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên BKS trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên BKS được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp BKS không đủ số thành viên tham dự, Trưởng BKS phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để xem xét tư cách của các thành viên BKS; trường hợp HĐQT không triệu tập ĐHĐCĐ bất thường thì Trưởng BKS có quyền triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để giải quyết vấn đề này. Trong cuộc họp BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và thành viên ban kiểm toán nội bộ và bên kiểm toán độc lập tham dự họp và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS đưa ra.
6. Biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên BKS tham dự họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS.

- b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được thành viên có liên quan tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Quyết định của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ.
- d. Bất kỳ thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 24.3.m sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
7. Thành viên BKS, nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có quyền lợi liên quan, dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với VIB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT và cuộc họp BKS, tại đây HĐQT và BKS sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của BKS sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
8. Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
9. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết về một vấn đề thì nghị quyết được coi là có giá trị tương đương với một nghị quyết được thông qua bởi các thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.
 - b. Số lượng thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS.
10. Cuộc họp BKS phải được ghi đầy đủ vào Sổ biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải được tất cả các thành viên BKS tham dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp BKS cho các thành viên BKS và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp BKS phải được lưu giữ và bảo quản tại BKS.

Điều 54. Cơ cấu tổ chức hoạt động của VIB

1. Cơ cấu tổ chức hoạt động của VIB bao gồm:
 - a. Trụ sở chính.
 - b. Các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.
 - c. Đơn vị sự nghiệp và công ty con.
2. VIB được phép mở các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con khi có nhu cầu theo quy định của NHNN.

Điều 55. Cơ cấu tổ chức của trụ sở chính

1. HĐQT.
2. BKS.
3. TGD.
4. Các Khối, Ban thuộc Trụ sở chính.
5. Kiểm toán nội bộ.

Điều 56. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông có quyền (trực tiếp, qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, bằng một văn bản yêu cầu) thẩm tra, sao chụp hoặc trích lục danh sách các Cổ đông và các Biên bản và quyết định của ĐHĐCĐ trong giờ làm việc tại Trụ sở chính của VIB. Yêu cầu của người được uỷ quyền phải được kèm theo bản gốc giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông được quy định tại Điều 21.2 sẽ có thêm quyền xem xét và trích lục sổ biên bản, quyết định và bất kỳ giấy tờ nào của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, và các báo cáo của BKS.
3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và các thành viên Ban Điều hành có quyền kiểm tra sổ cái của VIB, Sổ Đăng ký Cổ đông và các loại sổ sách, ghi chép và hồ sơ khác của VIB vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. VIB sẽ phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung của nó, giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp và quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS, các báo cáo của BKS, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính.

Điều 57. Cổ tức

1. VIB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi có đủ điều kiện sau đây:
 - a. VIB đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
 - b. VIB đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VIB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của VIB, nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất và ĐHĐCĐ đã thông qua.

2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các Cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên VIB, tên và địa chỉ của Cổ đông, số Cổ phần của Cổ đông, mức cổ tức đối với Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời gian, địa điểm và phương thức trả cổ tức.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ phần hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.
4. VIB sẽ không trả lãi cho bất cứ khoản chi trả cổ tức nào hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một Cổ phần.
5. Những người đã chính thức đăng ký là Cổ đông có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, khoản chia lợi nhuận, thông báo hoặc tài liệu.
6. Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng sẽ nhận Cổ tức từ VIB.

Điều 58. Xây dựng và duy trì hoạt động của Hệ thống Kiểm soát nội bộ

1. VIB phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN để giúp TGD điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của VIB.
2. VIB phải thường xuyên kiểm soát việc chấp hành Pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của VIB.
3. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải báo cáo kịp thời với TGD kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ và nêu những kiến nghị khắc phục khuyết điểm, tồn tại.

4. Khi hệ thống kiểm soát nội bộ của VIB phát hiện những sai phạm, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh, phải kịp thời báo cáo cho TGD và các cấp quản lý có liên quan; người nhận báo cáo có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để xử lý, khắc phục những vấn đề được kiểm soát nội bộ phát hiện. Trường hợp phát hiện những sai phạm nghiêm trọng của cán bộ quản lý của VIB hoặc những vấn đề ảnh hưởng tiêu cực lớn đến VIB thì phải báo cáo đồng thời lên HĐQT và BKS.

Điều 59. Tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ của VIB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc hoặc tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ tại Hội sở. Kiểm toán nội bộ trực thuộc BKS và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của BKS.
2. BKS xây dựng và ban hành quy định, quy trình, các phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ, kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo quy định của Pháp luật và phù hợp với yêu cầu kiểm toán nội bộ đảm bảo an toàn hoạt động kinh doanh của VIB.
3. VIB phải có quy trình theo dõi và đánh giá chất lượng của công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật. VIB phải tiến hành đánh giá nội bộ đối với hoạt động của kiểm toán nội bộ để đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ. Kết quả đánh giá nội bộ hàng năm phải được báo cáo cho BKS và được ghi nhận trong báo cáo kiểm toán nội bộ thường niên.
4. Căn cứ quy mô, mức độ, phạm vi và đặc điểm hoạt động của VIB từng thời kỳ và trên cơ sở đề nghị của BKS, HĐQT quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của kiểm toán viên nội bộ, Trưởng Phòng kiểm toán nội bộ và Phó trưởng Phòng kiểm toán nội bộ.

Điều 60. Phạm vi kiểm toán nội bộ

1. Phạm vi của kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - a. Kiểm toán tất cả các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ tại các đơn vị của VIB.
 - b. Kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của HĐQT, BKS, TGD.
2. Hệ thống kiểm toán nội bộ phải báo cáo kịp thời với HĐQT, BKS kết quả kiểm toán nội bộ và nêu những kiến nghị khắc phục khuyết điểm, tồn tại.

Điều 61. Nội dung hoạt động của kiểm toán nội bộ

1. Nội dung chính của hoạt động kiểm toán nội bộ là đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
2. Tùy theo quy mô, mức độ rủi ro cũng như yêu cầu cụ thể của từng VIB, kiểm toán nội bộ rà soát, đánh giá những nội dung sau:
 - a. Mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - b. Việc áp dụng, tính hiệu lực, hiệu quả của việc triển khai các chính sách và quy trình quản lý rủi ro của VIB, bao gồm cả các quy trình được thực hiện bằng hệ thống công nghệ thông tin.
 - c. Tính đầy đủ, chính xác và an toàn của hệ thống thông tin quản lý và hệ thống thông tin tài chính, bao gồm cả hệ thống thông tin điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử.
 - d. Tính đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý và mức độ chính xác của hệ thống hạch toán kế toán và các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật.
 - e. Tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của VIB, quy định nội bộ, quy trình, quy tắc tác nghiệp, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
 - f. Các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VIB.
 - g. Các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản. Đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VIB, hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
 - h. Đánh giá tính kinh tế và hiệu quả của các hoạt động, của việc sử dụng các nguồn lực, qua đó xác định mức độ phù hợp giữa kết quả hoạt động đạt được và mục tiêu hoạt động đề ra.
 - i. Thực hiện các nội dung khác có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của BKS và của HĐQT.

Điều 62. Chế độ tài chính

1. VIB chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Pháp luật.

2. HĐQT, BKS, TGD chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của VIB.

Điều 63. Các Quỹ được trích lập

1. Quỹ Dự trữ bổ sung Vốn điều lệ.
2. Quỹ Dự phòng Tài chính.
3. Quỹ Khen thưởng.
4. Quỹ Phúc lợi.
5. Quỹ Đầu tư Phát triển.
6. Quỹ thưởng Người quản lý, thành viên BKS.

Điều 64. Tự chủ về tài chính của VIB

VIB tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của Pháp luật.

Điều 65. Kế toán và thuế

1. VIB thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của Pháp luật và quy định của NHNN.
2. Năm tài chính của VIB bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
3. VIB lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. VIB phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
4. VIB thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của Pháp luật về kế toán.

Điều 66. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo quyết toán lỗ lãi phản ánh trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của VIB trong năm tài chính và một bản cân đối tài sản phản ánh trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của VIB cho đến thời điểm lập báo cáo quyết toán lỗ lãi.
2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VIB nộp NHNN các báo cáo hàng năm theo quy định của Pháp luật.

Điều 67. Báo cáo và công bố thông tin

1. VIB thực hiện nghĩa vụ báo cáo NHNN, Cơ quan quản lý thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp luật.
2. Ngoài những báo cáo định kỳ, VIB báo cáo ngay với NHNN trong trường hợp có diễn biến bất bình thường trong hoạt động kinh doanh có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VIB.
3. VIB thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của VIB và trên Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các phương tiện khác theo đúng quy định của pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 68. Kiểm toán

1. Chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, VIB phải lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán: Deloitte Touche Tohmatsu, Ernst & Young, KPMG, PricewaterHouseCoopers (với điều kiện là các công ty đó được phép hoạt động tại Việt Nam và thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán các Doanh nghiệp) để kiểm toán các hoạt động cho năm tài chính tiếp theo. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VIB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
2. VIB phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Tổ chức kiểm toán độc lập sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của VIB và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của VIB.

5. Kiểm toán viên kiểm toán báo cáo tài chính của VIB sẽ được phép tham dự bất kỳ cuộc họp ĐHĐCĐ nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ về các vấn đề của ĐHĐCĐ có liên quan đến kiểm toán viên.
6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VIB được thực hiện theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, Pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

Điều 69. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt

1. Trong trường hợp VIB có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, VIB phải báo cáo ngay với NHNN về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
2. VIB có thể bị NHNN đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp được quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng.
3. Trường hợp cấp bách, để bảo đảm khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, VIB có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc NHNN cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của VIB.

Điều 70. Phá sản, tổ chức lại VIB

1. Việc phá sản VIB thực hiện theo quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng và Pháp luật về phá sản.
2. VIB được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại VIB thực hiện theo quy định của Pháp luật và NHNN.

Điều 71. Các trường hợp giải thể VIB

VIB sẽ bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. ĐHĐCĐ thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động VIB theo quy định của Pháp luật và được NHNN chấp thuận.
2. Khi hết hạn hoạt động, VIB không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận.
3. Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của VIB.

Điều 72. Thanh lý VIB

1. Trường hợp VIB bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý VIB được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 71, VIB tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do VIB chịu.

Điều 73. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc kinh doanh của VIB hay tới quyền của các Cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Pháp luật quy định giữa:
 - a. Một Cổ đông hay các Cổ đông với VIB hoặc
 - b. Một Cổ đông hay các Cổ đông với HĐQT, BKS, TGD .

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó bằng cách thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các sự việc trong tranh chấp trong vòng hai mươi mốt (21) Ngày Làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, thì các bên có thể thỏa thuận chỉ định một chuyên gia độc lập để giải quyết.

2. Nếu trong vòng chín mươi (90) ngày, từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, mà tranh chấp không được hoà giải thành hoặc các bên không chấp nhận kết quả hoà giải thành, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra toà án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Pháp luật.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của toà án sẽ do toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 74. Cung cấp thông tin

- VIB cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
- VIB có trách nhiệm cung cấp cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VIB theo quy định của NHNN.
- Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của VIB không được tiết lộ bí mật kinh doanh của VIB.
- VIB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại VIB.
- VIB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại VIB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 75. Điều khoản thi hành

- Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.
- Điều lệ sẽ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VIB trong từng thời kỳ.
- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do ĐHĐCĐ quyết định. Trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến tổ chức hoặc hoạt động của ngân hàng nhưng chưa được đề cập trong bản Điều lệ hoặc có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ thì những quy định Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VIB./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VIB

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TUỔI CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG VĂN SƠN

Phụ lục 1. Thông tin về Cổ đông sáng lập, Giấy phép thành lập và hoạt động, Trụ sở chính, Vốn điều lệ, Mệnh giá Cổ phần, Số lượng Cổ phần

Mục 1.	Cổ đông Sáng lập
	1. Cổ đông: ĐẶNG KHẮC VỸ
	Quốc tịch: Việt Nam.
	Địa chỉ: 78 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.
	Loại Cổ phần sở hữu: Cổ phần phổ thông.
	Số Cổ phần sở hữu tại ngày thông qua Điều lệ : 39.095.018
	2. Cổ đông: TRỊNH VĂN TUẤN
	Quốc tịch: Việt Nam.
	Địa chỉ: 31A Lê Văn Miến, phường Thảo Điền, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
	Loại Cổ phần sở hữu: Cổ phần phổ thông.
	Số Cổ phần sở hữu tại ngày thông 1.874

	qua Điều lệ :	
	3. Cổ đông: NGÔ CHÍ DŨNG	
	Quốc tịch:	Việt Nam.
	Địa chỉ:	11 đường 1 Khu A, phường Nam Thành Công, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.
	Loại Cổ phần sở hữu:	Cổ phần phổ thông.
	Số Cổ phần sở hữu tại ngày thông qua Điều lệ :	0.
	4. Cổ đông: HÀ VĂN HẢI	
	Quốc tịch:	Việt Nam.
	Địa chỉ:	Phòng 305, C1 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.
	Loại Cổ phần sở hữu:	Cổ phần phổ thông.
	Số Cổ phần sở hữu tại ngày thông qua Điều lệ :	0.
	5. Cổ đông: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	
	Quốc tịch:	Việt Nam.
	Địa chỉ:	198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.
	Loại Cổ phần sở hữu:	Cổ phần phổ thông.
	Số Cổ phần sở hữu tại ngày thông qua Điều lệ :	0.
	6. Cổ đông: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM	
	Quốc tịch:	Việt Nam.
	Địa chỉ:	18 Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
	Loại Cổ phần sở hữu:	Cổ phần phổ thông.
	Số Cổ phần sở hữu tại ngày thông qua Điều lệ :	0.
Mục 2.	Giấy phép thành lập và hoạt động	
	Giấy phép Thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 95/GP-NHNN ngày 28 tháng 9 năm 2018 do NHNN cấp.	
	Giấy phép thành lập số 2300/GP-UB ngày 8 tháng 2 năm 1996 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp.	
	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100233488, đăng ký lần đầu ngày 14/02/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 27/12/2018.	
Mục 3.	Trụ sở chính	
	Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
	Điện thoại: 028 6299 9039	
	Fax : 028 6299 9040	
	Chi tiết khác	
	Telex : 411389 VIB HNVT	
	Mã Swift: VNIBVNVX	

	Email : vib@vib.com.vn Website : http://www.vib.com.vn
Mục 4.	Vốn điều lệ Vốn điều lệ là 7.834.672.840.000 đồng (Bảy nghìn tám trăm ba mươi tư tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)
Mục 5.	Mệnh giá mỗi Cổ phần 10.000 VNĐ
Mục 6.	Số lượng Cổ phần Số lượng Cổ phần là 783.467.284 Cổ phần.

Phụ lục 2. Các Chi nhánh của VIB

STT	Ngày thành lập	CN	Tên	Tỉnh
1	19/08/1996		Trụ sở chính	TP. HCM
	Chi nhánh			
2	17/12/1999	Chi nhánh	CN Hồ Chí Minh	TP. HCM
3	05/04/2005	Chi nhánh	CN Hà Nội	Hà Nội
4	18/06/2004	Chi nhánh	CN Hải Phòng	Hải Phòng
5	12/07/2004	Chi nhánh	CN Đà Nẵng	Đà Nẵng
6	05/11/2005	Chi nhánh	CN Quảng Ninh	Quảng Ninh
7	26/07/2005	Chi nhánh	CN Cần Thơ	Cần Thơ
8	09/05/2005	Chi nhánh	CN Nha Trang	Khánh Hòa
9	10/11/2005	Chi nhánh	CN Bình Dương	Bình Dương

STT	Ngày thành lập	CN	Tên	Tỉnh
10	18/10/2005	Chi nhánh	CN Đồng Nai	Đồng Nai
11	02/08/2006	Chi nhánh	CN Hải Dương	Hải Dương
12	02/08/2006	Chi nhánh	CN Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
13	10/10/2006	Chi nhánh	CN An Giang	An Giang
14	10/12/2006	Chi nhánh	CN Vũng Tàu	Bà Rịa-VT
15	27/10/2006	Chi nhánh	CN Vinh	Nghệ An
16	30/01/2007	Chi nhánh	CN Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
17	02/07/2007	Chi nhánh	CN Hà Đông	Hà Nội
18	02/09/2007	Chi nhánh	CN Sài Gòn	TP. HCM
19	18/06/2007	Chi nhánh	CN Thanh Hóa	Thanh Hóa
20	08/08/2007	Chi nhánh	CN Huế	TT Huế
21	28/08/2007	Chi nhánh	CN Đắk Lắk	Đắk Lắk
22	20/09/2007	Chi nhánh	CN Kiên Giang	Kiên Giang
23	16/10/2007	Chi nhánh	CN Thái Nguyên	Thái Nguyên
24	11/07/2007	Chi nhánh	CN Bình Định	Bình Định
25	06/11/2008	Chi nhánh	CN Thái Bình	Thái Bình
26	07/08/2008	Chi nhánh	CN Tây Ninh	Tây Ninh
27	21/07/2008	Chi nhánh	CN Cà Mau	Cà Mau
28	23/07/2008	Chi nhánh	CN Đồng Tháp	Đồng Tháp
29	16/10/2007	Chi nhánh	CN Việt Trì	Phú Thọ
30	30/07/2008	Chi nhánh	CN Lâm Đồng	Lâm Đồng
31	07/08/2002	Chi nhánh	CN Cầu Giấy	Hà Nội
32	26/11/2002	Chi nhánh	CN Đống Đa	Hà Nội
33	28/10/2003	Chi nhánh	CN Gò Vấp	TP. HCM
34	21/01/2004	Chi nhánh	CN Hai Bà Trưng	Hà Nội
35	23/04/2004	Chi nhánh	CN Quận 5	TP. HCM
36	13/04/2004	Chi nhánh	CN Ba Đình	Hà Nội
37	29/10/2008	Chi nhánh	CN Trung Hòa	Hà Nội
38	29/09/2004	Chi nhánh	CN Quận 2	TP. HCM
39	30/11/2004	Chi nhánh	CN Tân Bình	TP. HCM
40	12/09/2004	Chi nhánh	CN Bình Thạnh	TP. HCM
41	27/12/2004	Chi nhánh	CN Sở giao dịch	Hà Nội

STT	Ngày thành lập	CN	Tên	Tỉnh
42	04/12/2005	Chi nhánh	CN Thành Đô	TP. HCM
43	27/05/2005	Chi nhánh	CN Quận 1	TP. HCM
44	21/07/2005	Chi nhánh	CN Long Biên	Hà Nội
45	08/04/2005	Chi nhánh	CN Phú Nhuận	TP. HCM
46	16/08/2005	Chi nhánh	CN Hồng Bàng	Hải Phòng
47	11/07/2005	Chi nhánh	CN Hải Châu	Đà Nẵng
48	11/11/2005	Chi nhánh	CN Quận 11	TP. HCM
49	26/03/2008	Chi nhánh	CN Cẩm Phả	Quảng Ninh
50	18/08/2008	Chi nhánh	CN Lý Thường Kiệt	Hà Nội
51	18/09/2017	Chi nhánh	CN Tôn Đức Thắng	TP. HCM